華語文聽力測驗

Test of Chinese as a Foreign Language: Listening

入門基礎級模擬試題

Band A

作答注意事項　Những điều cần chú ý khi làm bài thi :

一、這個題本一共有 50 題，考試時間約 60 分鐘。
Tập đề thi này có tất cả 50 câu hỏi, thời gian làm bài thi trong khoảng 60 phút.

二、所有的答案必須寫在答案卡上，寫在題本上的答案將不算成績。
Tất cả đáp án phải được viết trên phiếu trả lời, nếu viết đáp án lên tập đề thi sẽ không được tính điểm.

三、請選出一個正確答案，而且只有一個正確答案。
Hãy chọn một đáp án chính xác nhất, phù hợp nhất, và chỉ có duy nhất một đáp án chính xác mà thôi.

四、考試開始以後，不可以離開考試的教室。如果有任何問題，請舉手，監試人員會過去幫助你。
Sau khi thời gian làm bài thi bắt đầu, bạn không được rời khỏi phòng thi. Nếu có bất cứ thắc mắc gì, mời giơ tay để giám thị đến giúp bạn.

五、考試結束時，請將題本和答案卡放在桌上。等監試人員收卷、清點完以後，才可以離開。
Sau khi thời gian thi kết thúc, hãy đặt quyển đề thi và phiếu trả lời trên bàn. Đợi giám thị tới thu bài và xác nhận xong, bạn mới được rời khỏi phòng thi.

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS

第一部分
Phần 1

(第 1～25 題)

說明：在這個部分，每題有一張圖片，你會先聽到一個問題，接著再聽到(A)(B)(C)三個選項，請根據圖片提示從(A)(B)(C)中選出正確的答案。每題念兩次，第一次念完以後先停五秒，再念第二次。第二次念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi câu hỏi sẽ đưa ra một bức tranh, bạn sẽ được nghe một câu hỏi, tiếp đến là 3 phương án trả lời (A),(B),(C); hãy căn cứ theo gợi ý của bức tranh và chọn ra một đáp án đúng trong số 3 đáp án(A),(B),(C). Mỗi câu hỏi sẽ được đọc 2 lần, sau khi đọc xong lần thứ nhất, dừng 5 giây, rồi đọc lại lần thứ hai. Lần thứ hai đọc xong, dừng 5 giây, sau đó chuyển sang câu hỏi tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

你會看到一張圖片 Bạn sẽ nhìn thấy một bức tranh：

接著，你會聽到一個問題和三個選項。
Tiếp theo, bạn sẽ được nghe 1 câu hỏi và 3 phương án lựa chọn..

第一題：眼鏡在哪裡？

(A) 在盒子裡面。
(B) 在盒子下面。
(C) 在盒子上面。

這一題的答案是(A)，請把答案塗在答案卡上。
Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1. ● Ⓑ Ⓒ

說明結束，第一部分考試開始，請翻頁。
Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ nhất bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS

1.

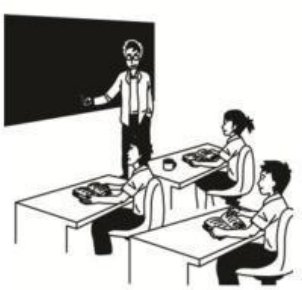

2.

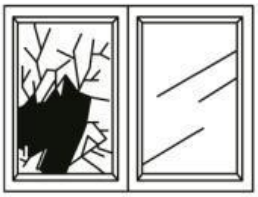

3.

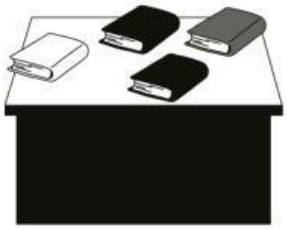

4.

5.

LIVEWORKSHEETS

6.

7.

8.

9.

10.

LIVEWORKSHEETS

11.

12.

13.

14.

15.

LIVEWORKSHEETS

16.

17.

18.

19.

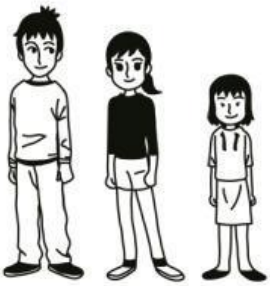

20.

LIVEWORKSHEETS

21.

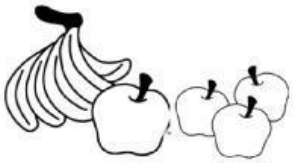

22.

23.

24.

25.

LIVEWORKSHEETS

第二部分
Phần 2

(第 26～40 題)

說明：在這個部分，每題有(A)(B)(C)三張圖片，你會聽到一問一答的對話，請根據對話的內容，選出合適的圖片。每題念兩次，第一次念完以後先停五秒，再念第二次。第二次念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi câu sẽ đưa ra 3 bức tranh (A), (B), (C), bạn sẽ được nghe một đoạn đối thoại bao gồm 1 người hỏi 1 người đáp, hãy căn cứ theo nội dung đoạn đối thoại, chọn ra bức tranh phù hợp nhất với nội dung này. Mỗi câu hỏi sẽ đọc 2 lần, sau khi đọc xong lần thứ nhất sẽ dừng 5 giây, rồi đọc lại lần thứ hai. Lần thứ hai đọc xong, dừng 5 giây, sau đó sẽ chuyển sang câu hỏi tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

你會看到三張圖片 Bạn sẽ nhìn thấy 3 bức tranh：

(A) (B) (C)

接著，你會聽到一問一答的對話。
Bạn sẽ được nghe một đoạn đối thoại bao gồm 1 người hỏi 1 người đáp.

第二題

A：昨天下雨了嗎？
B：是啊，還下得很大呢！

這一題的答案是(B)，請把答案塗在答案卡上。
Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

2. Ⓐ ● Ⓒ

說明結束，第二部分考試開始，請翻頁。
Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ 2 bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS

26.

(A)

(B)

(C)

27.

(A)

(B)

(C)

28.

(A)

(B)

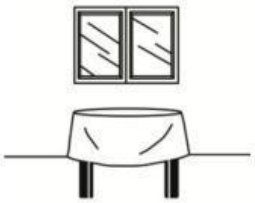

(C)

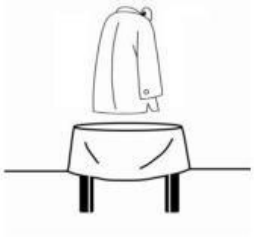

29.

(A)

(B)

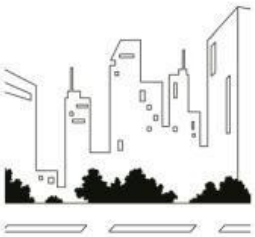

(C)

30.

(A)

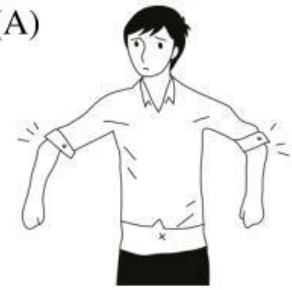

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

31.

(A)

(B)

(C)

32.

(A)

(B)

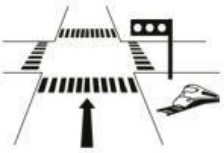

(C)

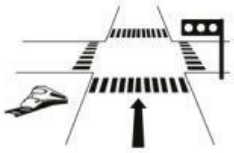

33.

(A)

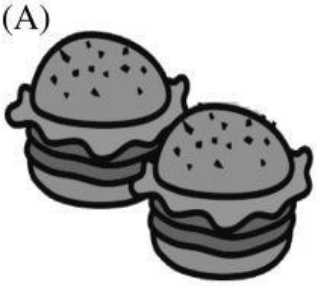

(B)

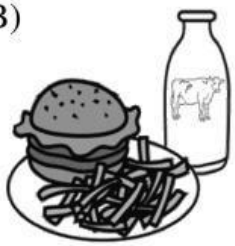

(C)

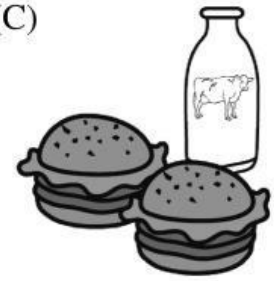

34.

(A)

(B)

(C)

35.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

36.

(A)

(B)

(C)

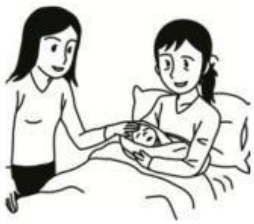

37.

(A)

(B)

(C)

38.

(A)

(B)

(C)

39.

(A)

(B)

(C)

40.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

第三部分
Phần 3

(第 41～45 題)

說明：在這個部分，每題有(A)(B)(C)三張圖片，你會聽到一段兩個人的對話，一共有四句話，對話結束後有一個問題，請根據問題選出合適的圖片。每題念兩次，第一次念完以後先停五秒，再念第二次。第二次念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi câu sẽ đưa ra 3 bức tranh (A),(B),(C), bạn sẽ được nghe một đoạn hội thoại gồm 4 câu của 2 người, khi đoạn hội thoại kết thúc sẽ có một câu hỏi; dựa vào nội dung câu hỏi hãy chọn ra một bức tranh phù hợp nhất với nội dung này. Mỗi câu sẽ được đọc 2 lần, sau khi đọc xong lần thứ nhất sẽ dừng 5 giây, rồi đọc lại lần thứ hai. Lần thứ hai đọc xong, dừng 5 giây, sau đó sẽ chuyển sang câu hỏi tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

你會看到三張圖片 Bạn sẽ nhìn thấy 3 bức tranh：

(A)

(B)

(C)

接著，你會聽到一段對話和一個問題。
Bạn sẽ được nghe một đoạn đối thoại và một câu hỏi.

第三題

女：你什麼時候去開會？
男：下個星期。
女：你要坐火車去嗎？
男：坐火車太慢了，我坐飛機去。

Q：請問這位先生怎麼去開會？

這一題的答案是(C)，請把答案塗在答案卡上。
Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (C), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

3. Ⓐ Ⓑ ●

說明結束，第三部分考試開始，請翻頁。
Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ 3 bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS

41.

(A)

(B)

(C)

42.

(A)

(B)

(C)

43.

(A)

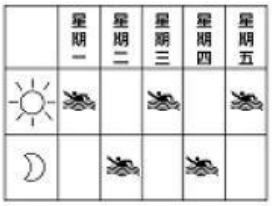

(B)

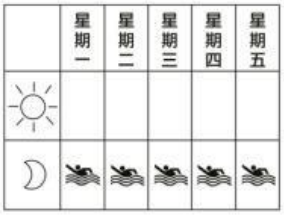

(C)

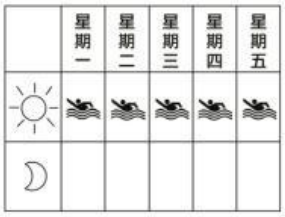

44.

(A)

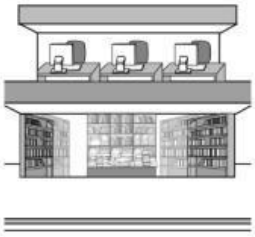

(B)

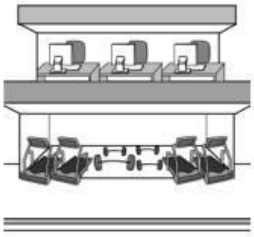

(C)

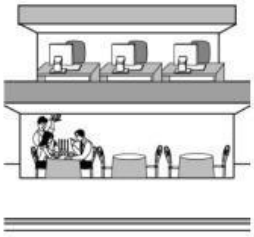

45.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

第四部分
Phần 4

(第46～50題)

說明：在這個部分，你會聽到兩個人的對話，對話結束後有一個問題，每個問題都有(A)(B)(C)(D)四個選項，這四個選項的內容也會出現在題本上。請根據問題選出合適的答案。每題只念一遍，選項念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần thi này, bạn sẽ được nghe đoạn đối thoại giữa 2 người, sau khi phần đối thoại kết thúc sẽ có 1 câu hỏi. Mỗi câu hỏi đều có 4 phương án (A),(B),(C),(D) để bạn lựa chọn, nội dung của 4 phương án trả lời này cũng sẽ xuất hiện trong tập đề thi. Hãy căn cứ theo câu hỏi để chọn ra câu trả lời thích hợp nhất. Mỗi câu hỏi chỉ đọc 1 lần, sau khi đọc xong 4 phương án trả lời sẽ dừng 5 giây, rồi sẽ chuyển sang câu tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

第四題

（男）：小美，妳的電話號碼是幾號？

（女）：上次不是才給你嗎？

（男）：抱歉，我不小心把那張紙給弄丟了。

（女）：把你的手機拿出來吧！記在你的手機裡，這樣才不會再弄丟。

（男）：小美為什麼要這位先生把手機拿出來？

(A) 她想知道對方有沒有手機

(B) 她想借對方的手機打電話

(C) 她不相信對方把手機弄丟了

(D) 她想把自己的電話號碼給對方

這一題的答案是(D)，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (D), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

4. Ⓐ Ⓑ Ⓒ ●

說明結束，第四部分考試開始，請翻頁。

Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ 4 bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS